Em hãy chọn Đúng (True) nếu tuỳ chọn là những thông tin thuộc dấu chân kỹ thuật số và chọn Sai (False) nếu không phải.

1. Email mà em gửi đi	True	False
2. Trang Web mà em truy cập	True	False
3. Cuộc gọi điện thoại mà em nhận được	True	False
4. Bài tập ở trường mà em nộp	True	False

Với mỗi câu phát biểu, hãy chọn Đúng (True) hoặc Sai (False).

1. Bình luận, hình ảnh và các thông tin khác mà em đăng trên mạng được gọi là dấu chân kỹ thuật số của em.	True	False
2. Em có thể xóa vĩnh viễn những bình luận tiêu cực khỏi Internet bất cứ khi nào em muốn.	True	False
3. Mỗi bài tập ở trường mà em hoàn thành đều là một phần của dấu chân kỹ thuật số.	True	False

Em hãy chọn Đúng (True) nếu tuỳ chọn là phát biểu về duyệt Web trực tuyến an toàn và chọn Sai (False) nếu không phải.

1. Em phải xóa các tập tin Internet tạm thời.	True	False
2. Các trình duyệt có tính năng bảo mật có thể an toàn hơn các trình duyệt khác.	True	False
3. Em hoàn toàn an toàn miễn là em không tải xuống bất cứ thứ gì.	True	False
4. Chỉ cung cấp thông tin cá nhân cho các trang Web an toàn.	True	False

Em hãy chọn Đúng (True) nếu tuỳ chọn là lý do người dùng nên bảo vệ danh tính trực tuyến và chọn Sai (False) nếu không phải.

1. Internet có bộ nhớ lâu dài.	True	False
2. Người dùng luôn nói thật khi trực tuyến.	True	False
3. Người dùng không cần bảo vệ danh tính trực tuyến.	True	False
4. Người dùng thường không sử dụng hình ảnh thật của họ.	True	False

LIVEWORKSHEETS

Trong việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số ở trường, em hãy chọn Đúng (True) nếu tuỳ chọn là hành vi đúng đắn mà mọi người nên làm hoặc chọn Sai (False) nếu không phải.

1. Học sinh và giáo viên không nên dùng mạng xã hội trong lớp học.	True	False
2. Học sinh không nên đánh cắp hoặc làm hư hại tài sản của người khác.	True	False
3. Học sinh nên mở loa ngoài khi xem Video, thay vì dùng tai nghe.	True	False
4. Học sinh nên chia sẻ mật khẩu cho nhau biết.	True	False

Giáo viên cung cấp cho em ví dụ về các hành vi xã giao kém trên mạng. Em nên làm theo hướng dẫn thực hành phép xã giao trực tuyến nào để chỉnh lại hành vi trong từng ví dụ? Em hãy ghép nối từng hướng dẫn thực hành phép xã giao trực tuyến từ danh sách bên phải sang ví dụ tương ứng bên trái.

(1) Một bạn cùng lớp đăng ảnh về em mà chưa hỏi ý kiến.	Tránh ghi toàn chữ IN HOA.
(2) Hai người bạn trò chuyện về một bạn cùng lớp trong phần nhắn tin trực tiếp.	Không trao đổi thông tin về người khác mà chưa hỏi ý kiến của họ.
(3) Gửi tin nhắn trực tiếp cho giáo viên vào nửa đêm ngày cuối tuần.	Tôn trọng quyền riêng tư của người khác.
(4) KÍNH GỬI THẦY/CÔ	Gửi tin nhắn vào thời gian thích hợp.

Dịch

Với mỗi câu phát biểu về trình duyệt Web, hãy chọn Đúng (True) hoặc Sai (False).

1. Dấu trang (Bookmark) cho phép người dùng điều hướng lại các trang Web yêu thích của họ.	True	False
2. Chức năng tải lại cho phép người dùng truy cập một trang Web mà họ thường xem.	True	False
3. Tự động điền (Autofill) cho phép trình duyệt tự điền thông tin mà không phải gõ lại.	True	False

LIVEWORKSHEETS

Em cần hoàn thành một dự án nghiên cứu, vì vậy em mở trình duyệt Web trên máy tính để bắt đầu làm. Hoàn thành các câu dưới đây bằng cách lựa chọn đúng tùy chọn từ mỗi danh sách thả xuống.

Để bắt đầu tìm kiếm, em phải (1) Choose một trang trên Internet.

Em đang đọc tài liệu nghiên cứu thì trang bị đứng hoàn toàn, nên em phải (2) Choose trang đó.

Em muốn sau này có thể truy cập lại vào trang Web, nên em (3) Choose trang Web.

Em chạy xong một lượt tìm kiếm trên Web, nhưng không tìm được kết quả mình cần. Em hãy chọn Đúng (True) nếu tuỳ chọn là bước nên thực hiện để giúp tinh chỉnh phạm vi tìm kiếm và chọn Sai (False) nếu không phải.

1. Dùng từ đồng nghĩa hoặc các từ thay thế khác	True	False
2. Dùng các bộ lọc	True	False
3. Nhấp vào một quảng cáo	True	False
4. Thử lại mà không thay đổi gì cả	True	False

Em hãy ghép nối từng thuật ngữ từ danh sách bên phải với định nghĩa tương ứng bên trái.

(1) Khám phá để nắm rõ một ứng dụng hoặc trang Web.	Biểu mẫu (Form)
(2) Cung cấp bản mới nhất của trang Web.	Dấu trang (Bookmark)
(3) Lưu địa chỉ một trang Web trong danh sách yêu thích (Favorite).	Điều hướng (Navigate)
(4) Một cửa sổ hoặc màn hình chứa rất nhiều trường hoặc ô trống để nhập dữ liệu.	Tải lại (Reload)

LIVEWORKSHEETS

Em hãy ghép nối từng hoạt động trực tuyến từ danh sách bên phải với mục đích tương ứng bên trái.

Dịch

(1) Dùng Google Scholar để tìm kiếm một [illegible] cho bài tập.	Giải trí
(2) Gửi Email cho giáo viên của em về bài tập bị thiếu.	Giao tiếp
(3) Xem đoạn Video hài hước về một chú chó đi xe máy.	Thông tin

Với mỗi câu phát biểu về việc tinh chỉnh phạm vi tìm kiếm trên Web, hãy chọn Đúng (True) hoặc Sai (False).

1. Công cụ tìm kiếm thực hiện tìm theo đúng trình tự từ khóa mà em nhập vào.	True	False
2. Khi thêm từ OR, công cụ tìm kiếm sẽ kết hợp nhiều kết quả tìm kiếm thành một.	True	False
3. Kết quả tìm kiếm trả phí (Ads) trông giống các kết quả tìm kiếm không trả phí và được sắp xếp chung với nhau.	True	False

Em hãy chọn Đúng (True) nếu tuỳ chọn là ví dụ về công cụ tìm kiếm và chọn Sai (False) nếu không phải.

1. Google	True	False
2. Safari	True	False
3. Bing	True	False
4. Firefox	True	False

Em hãy chọn Đúng (True) nếu tuỳ chọn là phù hợp khi nói về tập tin đính kèm Email và chọn Sai (False) nếu không phải.

1. Các tập tin như hình ảnh, Video và tài liệu có thể được đính kèm.	True	False
2. Người nhận Email có thể tải xuống tập tin đính kèm.	True	False
3. Không có giới hạn về kích thước của các tập tin đính kèm.	True	False
4. Em chỉ có thể đính kèm một tập tin cho mỗi Email.	True	False

LIVEWORKSHEETS